

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26/7/2023
V/v: Ly hôn; nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thúy và bà Nguyễn Thị Phương Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 89/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 về Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 ngày 6 tháng 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh H (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Vũ Đình N, sinh năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Thôn V, xã Y, huyện G, tỉnh H (vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh H (vắng mặt).

+ Ông Vũ Đình L, sinh năm 1947; nơi cư trú: Thôn V, xã Y, huyện G, tỉnh H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Chị và anh Vũ Đình N kết hôn vào năm 2013, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Yế, huyện G, tỉnh H đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/12/2013. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng với bà Vũ Thị N là mẹ đẻ của anh N ở tại thôn V, xã Y, huyện G, tỉnh H. Quá trình chung sống do anh N không tu trí làm ăn, thường xuyên chơi bời lêu lổng, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con, mặc dù chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh N vẫn không thay đổi, từ đó vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi chửi

nhau. Đầu năm 2014 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã N, huyện C, tỉnh H sinh sống. Đến cuối năm 2014 anh N đã bỏ nhà đi từ đó cho đến nay không có tin tức gì, chị cũng đã chờ đợi nhiều năm nhưng không thấy anh N quay về. Sau đó chị đã làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố anh N mất tích. Ngày 03/4/2023 Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc đã ra quyết định tuyên bố anh N mất tích. Sau thời điểm này chị cũng không thấy anh N quay về, nay anh N làm gì, ở đâu chị không biết. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Đình N. Về con chung: Vợ chồng chị có một con là Vũ Thị Thu B, sinh ngày 11/10/2014, hiện đang ở với chị, nay do anh N mất tích nên chị đề nghị được tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Đình N đã bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc tuyên bố mất tích tại quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2023/QĐST –VDS ngày 03/4/2023 đã có hiệu lực pháp luật. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh N không đến Tòa án làm việc, do vậy không ghi nhận được quan điểm của anh N.

Xác minh tại UBND xã Yế, huyện G xác định anh Vũ Đình N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã Y, huyện G, tỉnh H, trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được, anh N đã bỏ nhà đi từ khoảng năm 2014-2015, hiện anh N ở đâu, làm gì thì địa phương không biết.

Công an xã Yế cung cấp: Anh Vũ Đình N, sinh năm 1992 là công dân của địa phương, hộ khẩu thường trú của anh N trước khi bỏ đi là ở thôn V, xã Y, huyện G, tỉnh H. Địa phương xác định anh N đã bỏ đi khỏi địa phương tính đến nay được khoảng 8- 9 năm, hiện vẫn chưa quay về. Địa phương không có thông tin và cũng không biết anh N đi đâu, làm gì.

Tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị C (là mẹ đẻ chị H) xác định: Sau khi kết hôn vợ chồng anh N, chị H chung sống với gia đình bà Vũ Thị N (là mẹ của anh N) ở thôn V, xã Y, huyện G, tỉnh H. Trong quá trình chung sống do anh N không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bời lêu lổng, không có trách nhiệm gì với vợ con nên vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi chửi nhau. Đầu năm 2014 chị H bỏ về quê sinh sống cùng với bà ở tại thôn B, xã N, huyện C, tỉnh H. Khi chị H về nhà bà ở được thời gian thì anh N cũng bỏ nhà đi, anh N không nói cho ai trong gia đình biết đi đâu, làm gì. Kể từ năm 2014 cho đến nay chị H và anh N không chung sống với nhau nữa.

Tại biên bản lấy lời khai ông Vũ Đình L (là bác ruột của anh N) xác định: Sau khi kết hôn anh N và chị H chung sống cùng với bà Vũ Thị N (là mẹ đẻ anh N) ở tại thôn V, xã Y, huyện G, tỉnh H. Quá trình chung sống vợ chồng anh N, chị H có xảy ra mâu thuẫn như thế nào ông không nắm được. Ông cũng không

hiếu vì lý do gì mà năm 2014 chị H bỏ về quê xã N, huyện C, tỉnh H ở, một thời gian sau thì anh N cũng bỏ đi, kể từ thời điểm bỏ đi cho đến nay anh N không lần nào quay trở về gia đình, nay anh N làm gì ở đâu ông không biết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện. Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề xuất:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H. Cho chị H được ly hôn anh Vũ Đình N.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Thị Thu B, sinh ngày 11/10/2014 cho chị H nuôi dưỡng đến năm 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại thôn V, xã Y, huyện G, tỉnh H, bị đơn đã bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc tuyên bố mất tích, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nhiều lần, không có lý do, nên Tòa xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn : Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Vũ Đình N được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện G ngày 18/12/2013 là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, lời khai của người làm chứng, ban ngành đoàn thể địa phương nơi vợ chồng vợ chồng anh N, chị H cư trú và của gia đình,

HĐXX xác định: Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau một thời gian không hiểu lý do gì mà đến năm 2014 chị H bỏ về quê xã N, huyện C, tỉnh H sinh sống, một thời gian sau thì anh N cũng bỏ nhà đi. Anh N bỏ đi biệt tích kể từ năm 2014 cho đến nay, chị H đã tìm kiếm nhưng không biết anh N ở đâu, làm gì, gia đình và địa phương cũng không có thông tin gì của anh N. Ngày 03/4/2023 Toà án nhân dân huyện Gia Lộc có quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2023/QĐST-VDS tuyên bố anh N mất tích theo đơn yêu cầu của chị H. Từ khi Toà án tuyên bố anh N mất tích đến nay anh N vẫn không có tin tức gì. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Toà án chấp nhận yêu cầu của chị H xin được ly hôn anh N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị và anh N có 01 con chung là Vũ Thị Thu B, sinh ngày 11/10/2014. Hiện nay con đang do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con. HĐXX xét thấy, từ trước đến nay chị H là người trực tiếp chăm sóc con chung, đảm bảo cho con đầy đủ về mặt vật chất, tinh thần, hơn nữa cháu B cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, anh N hiện đã bị tuyên bố mất tích, không có mặt tại địa phương. Do vậy, giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con là phù hợp theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, xét đây là sự tự nguyện của chị nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh N vắng mặt, không có ý kiến, do vậy HĐXX không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị H là nguyên đơn trong vụ án Hôn nhân và Gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh H. Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H ly hôn anh Vũ Đình N.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Vũ Thị Thu B, sinh ngày 11/10/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh H tiếp tục nuôi dưỡng, kể từ tháng 7/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Anh Vũ Đình N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị Thanh H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Vũ Đình N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2020/0000923 ngày 17/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Y, huyện G, tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Xuân Tím

Nguyễn Thị Quy

Đỗ Thị Hạnh

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân xã Liên Hoà, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Xuân Tím

Nguyễn Thị Quy

Đỗ Thị Hạnh

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân xã Liên Hoà, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào hồi giờ phút, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hạnh

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Đào Xuân Tím và bà Nguyễn Thị Quy

Tiến hành thảo luận vụ án dân sự thụ lý số: 282/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về Ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Đồng Minh Tiến – sinh năm 1987

ĐKHKT, nơi cư trú: Thôn Hưng Hoà, xã Liên Hoà, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Thơm – sinh năm 1994

ĐKHKT: Thôn Hưng Hoà xã Liên Hoà huyện Kim Thành tỉnh Hải Dương

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Thiên Xuân, xã Kim Tân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG THẢO LUẬN

Căn cứ vào Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Xét thấy tại phiên tòa chị Phạm Thị Thơm là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

HĐXX thảo luận và quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa được mở lại vào
hồi 14 giờ 30 phút ngày 18/01/2021, tại trụ sở TAND huyện Kim Thành,

Biên bản lập xong hồi giờ phút cùng ngày, đã đọc lại cho các thành
viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và nhất trí ký tên dưới đây

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Xuân Tâm

Nguyễn Thị Quy

Đỗ Thị Hạnh

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 20 phút, ngày 18 tháng 01 năm 2021

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hạnh

- **Hội thẩm nhân dân:** Bà Nguyễn Thị Quy và ông Đào Xuân Tim

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 282/2020/TLST-HN&GD ngày 06 tháng 11 năm 2020 về Ly hôn, giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Đồng Minh Tiến – sinh năm 1987

ĐKHKT, nơi cư trú: Thôn Hưng Hoà, xã Liên Hoà, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- **Bị đơn:** Chị Phạm Thị Thơm – sinh năm 1994

ĐKHKT: Thôn Hưng Hoà xã Liên Hoà huyện Kim Thành tỉnh Hải Dương

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Thiên Xuân, xã Kim Tân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Căn cứ áp dụng pháp luật:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Với kết quả biểu quyết nhất trí $3/3 = 100\%$

2. Về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Cho anh Đồng Minh Tiến được ly hôn chị Phạm Thị Th

Với kết quả biểu quyết nhất trí $3/3 = 100\%$

3. Án phí: Anh Đồng Minh Tiến phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2018/0001622 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Anh Đồng Minh Tiến đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Với kết quả biểu quyết nhất trí $3/3 = 100\%$

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Với kết quả biểu quyết nhất trí $3/3 = 100\%$

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 10 phút, cùng ngày,

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quy

Đào Xuân Tím

Đỗ Thị Hạnh